|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH HÀ TĨNH**  Số: 445/TTr-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Tĩnh, ngày 01 tháng 12 năm 2020* |

**TỜ TRÌNH**

**Đề nghị thông qua Nghị quyết quy định chức danh, số lượng, mức khoán chi phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã,**

**ở thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp**

**tham gia công việc của thôn, tổ dân phố**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Kế hoạch số 481/KH-HĐND ngày 06/11/2020 của HĐND tỉnh về Kế hoạch chuẩn bị kỳ họp thứ 18 HĐND tỉnh Khóa XVII, trong đó có nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 156/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 quy định số lượng cán bộ, công chức cấp xã, phường, thị trấn; chức danh, số lượng, mức khoán chi phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố (viết tắt là Nghị quyết số 156/2019/NQ-HĐND); UBND tỉnh báo cáo, đề xuất như sau:

Tại Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ quy định: *“UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định bố trí số lượng cán bộ, công chức cấp xã bằng hoặc thấp hơn quy định tại khoản 1 Điều này...”;* tại Khoản 3 Điều 9 Thông tư số 13/2019/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định: *“Căn cứ quyết định của UBND tỉnh về việc giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định tuyển dụng, phân công, điều động, luân chuyển và bố trí người đảm nhiệm các chức danh công chức cấp xã phù hợp với chuyên ngành đào tạo và đáp ứng các yêu cầu của vị trí việc làm”.* Theo đó, việc giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Mặt khác, qua tiếp xúc cử tri và ý kiến đề xuất của các địa phương về việc thực hiện bồi dưỡng cho người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố theo Nghị quyết số 156/2019/NQ-HĐND đang còn thấp, chưa tương xứng với công việc của những người hoạt động tại thôn, tổ dân phố; lý do: Thôn đội trưởng, Công an viên thôn, nhân viên y tế thôn bản, cộng tác viên dân số, y tế được hưởng phụ cấp theo các văn bản của Trung ương được tích hợp vào nhóm những người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố theo Nghị quyết số 156/2019/NQ-HĐND (với mức khoán thôn, tổ dân phố loại I: 25 triệu đồng/thôn/năm; loại II: 22 triệu đồng/ thôn/năm; loại III: 20 triệu đồng/thôn/năm), do đó nếu để chi trả phụ cấp cho Thôn đội trưởng, nhân viên y tế thôn bản, Công an viên, cộng tác viên dân số, y tế theo quy định của Trung ương thì kinh phí để bồi dưỡng cho người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố thấp so với mức độ, khối lượng thực hiện nhiệm vụ tại thôn, tổ dân phố.

Theo khảo sát của các địa phương khác: Thành phố Hà Nội hỗ trợ cho 05 đối tượng hoạt động khác tại thôn, tổ, dân phố 250.000 đồng/người/tháng; tỉnh Khánh Hòa 19,5 triệu đồng/năm/thôn; tỉnh Quảng Bình không quy định cụ thể, thực hiện khoán theo quy định của Trung ương; so sánh với các địa phương nêu trên thì Hà Tĩnh mức hỗ trợ vẫn cao hơn các địa phương khác.

Riêng tỉnh Nghệ An quy định tách riêng mức phụ cấp cho các chức danh: Thôn đội trưởng (xóm, bản có từ 350 hộ gia đình trở lên; xóm, bản thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; xóm, bản thuộc xã biên giới hoặc hải đảo: 0,65 mức lương cơ sở; xóm khối bản còn lại: 0,60 mức lương cơ sở), Công an viên (xóm, bản có từ 350 hộ gia đình trở lên; xóm, bản thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; xóm, bản thuộc xã biên giới hoặc hải đảo: 0,9 mức lương cơ sở; xóm khối bản còn lại: 0,8 mức lương cơ sở); Tổ trưởng tổ bảo vệ dân phố: 0,6 mức lương cơ sở; Tổ viên tổ bảo vệ dân phố: 0,35 mức lương cơ sở; Y tế xóm, bản tại các xã khó khăn (theo quy định của nhà nước): 0,55 mức lương cơ sở; Y tế xóm, bản ở các xã còn lại: 0,35 mức lương cơ sở; mức hỗ trợ bồi dưỡng đối với những người thực hiện nhiệm vụ khác ở thôn, tổ dân phố còn lại: Thôn, tổ dân phố loại I: 25 triệu đồng/năm; Thôn, tổ dân phố loại II, III: 23 triệu đồng/năm.

Xét thấy một số chức danh có quy định phụ cấp theo các văn bản của Trung ương đang còn hiệu lực (Thôn đội trưởng; Nhân viên y tế thôn, bản kiêm cộng tác viên y tế, dân số và gia đình); riêng chức danh Công an viên tại Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ có quy định chức danh làm việc tại thôn, tổ dân phố nhưng không quy định cụ thể mức phụ cấp hàng tháng. Cả 03 chức danh nêu trên đều không được tích hợp hay bãi bỏ trong Nghị định số 34/2019/NĐ-CP. Vì vậy, UBND tỉnh đề xuất bổ sung phụ cấp cho các chức danh (Thôn đội trưởng; Nhân viên y tế thôn, bản kiêm cộng tác viên y tế, dân số và gia đình) và hỗ trợ bồi dưỡng theo chính sách đặc thù của tỉnh đối với chức danh Công an viên thôn, tổ dân phố.

Qua tính toán, nếu bổ sung các phụ cấp cho các chức danh (Thôn đội trưởng; nhân viên y tế thôn, bản kiêm cộng tác viên y tế, dân số và gia đình) và hỗ trợ bồi dưỡng theo chính sách đặc thù của tỉnh đối với chức danh Công an viên thôn, tổ dân phố ngoài số những người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố còn lại thì ngân sách tỉnh phải bố trí thêm 49.185.734.400 đồng/năm nhưng sẽ tăng mức hỗ trợ cho các đối tượng người thực hiện nhiệm khác còn lại ở thôn, tổ dân phố đáp ứng theo đề xuất của cử tri hiện nay.

Để thực hiện theo đúng quy định của Chính phủ và đáp ứng đề xuất của cử tri toàn tỉnh, UBND tỉnh kính đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết quy định chức danh, số lượng, mức khoán chi phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố thay thế Nghị quyết số 156/2019/NQ-HĐND, cụ thể như sau:

**I. Cơ sở tham mưu Nghị quyết**

- Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố quy định: *“UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định bố trí số lượng cán bộ, công chức cấp xã bằng hoặc thấp hơn quy định tại khoản 1 Điều này, bảo đảm đúng với chức danh quy định tại Điều 3 Nghị định này và phù hợp với tính hình thực tế của địa phương...”*.

- Khoản 2 Điều 13, Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định: *“Việc quy định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức đối với người hoạt động không chuyên trách; người trực tiếp tham gia vào hoạt động ở thôn, tổ dân phố ngoài mức khoán quy định tại khoản 1 Điều 14a Nghị định số 92/2009/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP do UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp xem xét, quyết định theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước”;*

Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP quy định: *“Thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh quyết định định mức phân bổ và chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu ngân sách:*

*1. Căn cứ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách ở địa phương do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành, khả năng ngân sách địa phương và đặc điểm tình hình ở địa phương, HĐND cấp tỉnh quyết định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách ở địa phương làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách ở địa phương.*

*2. Quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách theo quy định khung của Chính phủ.*

*3. Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách trung ương không hỗ trợ. Riêng những chế độ chi có tính chất tiền lương, tiền công, phụ cấp, trước khi quyết định phải có ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực trực tiếp.*

*Chậm nhất 10 ngày làm việc, kể từ ngày HĐND cấp tỉnh quyết định ban hành, UBND cấp tỉnh gửi Bộ Tài chính và các bộ, ngành liên quan chế độ chi ngân sách đặc thù ở địa phương để tổng hợp và giám sát việc thực hiện”.*

- Luật Dân quân tự vệ ngày 22/11/2019 quy định:*“Thôn đội trưởng được hưởng phụ cấp hàng tháng, phụ cấp kiêm nhiệm chức danh Tiểu đội trưởng hoặc Trung đội trưởng dân quân tại chỗ; Chính phủ quy định chi tiết điều này”;* Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ và tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ quy định: *“Chế độ phụ cấp chức hàng tháng, trợ cấp một lần của Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự xã, thôn đội trưởng:...Đối với Thôn đội trưởng: Mức hưởng phụ cấp hàng tháng do UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định nhưng không thấp hơn 745.000 đồng”; “Chế độ phụ cấp chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ:...Thôn đội trưởng: 178.800 đồng và hưởng thêm 29.800 đồng khi kiêm nhiệm chức vụ trung đội trưởng dân quân tại chỗ. Trường hợp thôn chỉ tổ chức tổ dân quân tại chỗ thì được hưởng thêm 29.800 đồng”;* nguồn chi trả: Ngân sách địa phương.

- Pháp lệnh Công an xã số 06/2008/PL-UBTVQH12 ngày 21/11/2008 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: *“Công an xã gồm các chức danh:* *Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên. Công an viên được bố trí tại thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc và bố trí làm nhiệm vụ thường trực tại trụ sở hành chính xã*; Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh công an xã quy định: *“Trưởng Công an, Phó trưởng Công an xã và Công an viên được hưởng chế độ lương, phụ cấp theo quy định của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn”.*

- Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản quy định: *Mức phụ cấp hàng tháng đối với nhân viên y tế thôn, bản bằng 0,5 và 0,3 so với mức lương tối thiểu chung được quy định như sau: a) Mức 0,5 áp dụng đối với nhân viên y tế thôn, bản tại các xã vùng khó khăn theo Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn* (ngân sách trung ương)*; b)Mức 0,3, áp dụng đối với nhân viên y tế thôn, bản tại các xã còn lại”* (ngân sách địa phương)*.*

**II. Nội dung Nghị quyết**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định chức danh, số lượng, mức khoán chi phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

**2. Đối tượng áp dụng**

2.1. Cán bộ, công chức cấp xã.

2.2. Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã.

2.3. Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

2.4. Những người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố.

2.5. Cơ quan quản lý nhà nước liên quan.

**3. Quy định chức danh, số lượng và mức khoán chi phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã**

- Về chức danh và số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã: Giữ nguyên theo Khoản 1 và Khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 156/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

- Về mức khoán chi phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã:

Thực hiện khoán quỹ phụ cấp, bao gồm cả hỗ trợ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế để chi trả hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Quyết định phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn như sau: Loại 1 được khoán quỹ phụ cấp bằng 16,0 lần mức lương cơ sở; Loại 2 được khoán quỹ phụ cấp bằng 13,7 lần mức lương cơ sở; Loại 3 được khoán quỹ phụ cấp bằng 11,4 lần mức lương cơ sở.

**4. Quy định chức danh, số lượng và mức khoán chi phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố**

4.1. Chức danh, số lượng và mức khoán chi phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: Giữ nguyên theo Khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 156/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

4.2. Về mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố:

Hỗ trợ mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố như sau:

a) Chi trả phụ cấp đối với các chức danh được quy định tại các văn bản pháp luật chuyên ngành, cụ thể như sau:

- Chức danh Thôn đội trưởng: Hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 0,5 lần mức lương cơ sở và hưởng chế độ phụ cấp chức vụ chỉ huy dân quân tự vệ theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP;

- Chức danh Nhân viên y tế thôn, bản kiêm cộng tác viên dân số, y tế và gia đình (chỉ áp dụng đối với các thôn, bản): Hưởng mức phụ cấp bằng 0,5 mức lương cơ sở/tháng tại các xã vùng khó khăn và 0,3 mức lương cơ sở/tháng tại các xã còn lại theo quy định tại Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản;

b) Hỗ trợ bồi dưỡng đặc thù theo chính sách của tỉnh đối với chức danh Công an viên thôn, tổ dân phố: Bằng 0,5 lần mức lương cơ sở (bằng với mức bồi dưỡng của Thôn đội trưởng)[[1]](#footnote-1).

c) Những người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố khi có nhu cầu công việc (ngoài các chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp thôn, tổ dân phố và các chức danh tại điểm a, b mục 4.2) được hỗ trợ mức bồi dưỡng hàng năm cho thôn, tổ dân phố để trả mức bồi dưỡng theo nhiệm vụ khi cần như sau: Thôn, tổ dân phố loại 1 được hỗ trợ 25 triệu đồng/thôn, tổ dân phố/năm; thôn, tổ dân phố loại 2 được hỗ trợ 22 triệu đồng/thôn, tổ dân phố/năm; thôn, tổ dân phố loại 3 được hỗ trợ 20 triệu đồng/thôn, tổ dân phố/năm.

d) Mức chi bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc và các hoạt động khác của thôn, tổ dân phố (ngoài các chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp thôn, tổ dân phố và các chức danh tại điểm a, b mục 4.2) đảm bảo theo mức: Từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng/01 người/01 ngày huy động trực tiếp tham gia (tùy theo tính chất công việc và tình hình thực tiễn địa phương) và tổng chi hỗ trợ bồi dưỡng không được vượt quá mức khoán bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố tại điểm c mục 4.2.

\* Dự kiến kinh phí hỗ trợ bồi dưỡng đối với những người thực hiện nhiệm vụ khác ở thôn, tổ dân phố: Tổng kinh phí: 90.154.734.400 đồng/năm, trong đó:

- Kinh phí hỗ trợ đối với các chức danh được quy định tại các văn bản pháp luật chuyên ngành: 49.185.734.400 đồng/năm;

- Kinh phí hỗ trợ bồi dưỡng đối với những người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố còn lại: 40.696.000.000 đồng/năm.

Chênh lệch so với mức bồi dưỡng đối với những người thực hiện nhiệm vụ khác ở thôn, tổ dân phố theo Nghị quyết số 156/2019/NQ-HĐND là 49.185.734.400 đồng/năm.

**5**. **Nguyên tắc, đối tượng, mức phụ cấp kiêm nhiệm**

5.1. Cán bộ, công chức cấp xã hoặc người hoạt động không chuyên trách cấp xã kiêm nhiệm nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách cấp xã để giảm được 01 người trong số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã quy định tối đa thì được hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm như sau: Được hưởng mức khoán nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách cấp xã mà người đó kiêm nhiệm.

5.2.Người hoạt động không chuyên trách cấp xã hoặc người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố để giảm được 01 người trong số lượng quy định tối đa thì được hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm như sau: được hưởng mức khoán nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố mà người đó kiêm nhiệm nhưng tổng phụ cấp kiêm nhiệm không được quá 1,8 lần mức lương cơ sở.

**6. Nguồn kinh phí thực hiện**

Thực hiện từ nguồn ngân sách trung ương theo quy định tại Nghị định số 73/2009/NĐ-CP, Nghị định số 34/2019/NĐ-CP, Nghị định số 72/2020/NĐ-CP của Chính phủ, Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và nguồn ngân sách cấp tỉnh.

**7. Tổ chức thực hiện**

7.1. Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn các nội dung liên quan để tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

7.2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**8. Điều khoản thi hành**

Nghị quyết số 156/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định số lượng cán bộ, công chức cấp xã, phường, thị trấn; chức danh, số lượng, mức khoán chi phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này ban hành.

*(Có Dự thảo Nghị quyết kèm theo)*

Kính đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, phê chuẩn để Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Thường trực Tỉnh ủy (b/c);  - Thường trực HĐND tỉnh;  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;  - Các Ban HĐND tỉnh;  - Các Sở: Nội vụ, Tài chính;  - Chánh VP, các Phó VP;  - Lưu: VT, TKTH, NC1. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Đặng Quốc Vinh** |

1. Hiện nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Văn bản số 7944/UBND-NC1 ngày 25/11/2020 gửi các Bộ: Nội vụ, Tài chính, Công an, Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo, xin ý kiến việc hỗ trợ bồi dưỡng đặc thù theo chính sách của tỉnh đối với chức danh Công an viên thôn, tổ dân phố. [↑](#footnote-ref-1)